

Số: 01/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vinh Long, ngày 03 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận cấp Chứng nhận Tiếng Anh tương đương cấp độ A1

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-SPKTVL-TTNN ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành quy định điều kiện cấp giấy chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 và A2 và B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06b/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 18/01/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc công nhận kết quả các loại chứng chỉ, chứng nhận Tin học, Ngoại ngữ;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHSPKTVL-TTNN-TH ngày 27/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc thành lập Hội đồng thi và các Ban trực thuộc Hội đồng thi, kỳ thi cấp Chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 khóa 12 và A2 khóa 14, tổ chức thi ngày 07 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ bảng tổng hợp kết quả kỳ thi cấp chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 khóa 12 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Giấy đề nghị ngày 03/01/2020 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc cấp chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 khóa 12 và A2 khóa 14;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận **51** thí sinh được cấp giấy **Chứng nhận Tiếng Anh tương đương cấp độ A1** (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông trưởng, phó Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2

- Lưu: P.Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Tùng

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ A1

(Kèm theo quyết định số: 01/QĐ-DHSPKT-ĐT ngày 03 tháng 01 năm 2020)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi				Điểm Tổng
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
1	Ngô Bảo An	07/01/1998	Tiền Giang	5.5	6.0	6.5	5.0	23.0
2	Hồ Huy Bình	01/12/1998	Vĩnh Long	6.5	5.0	8.0	3.0	22.5
3	Nguyễn Phúc Cường	25/10/1999	Cần Thơ	4.0	5.0	6.5	5.5	21.0
4	Đỗ Minh Danh	30/3/1998	Vĩnh Long	7.0	4.5	6.5	4.5	22.5
5	Nguyễn Quang Dự	10/10/1997	Vĩnh Long	7.0	3.5	8.5	3.0	22.0
6	Tiêu Hoàng Duy	06/6/1998	Vĩnh Long	7.0	5.5	8.5	3.5	24.5
7	Võ Văn Duy	01/3/1998	Kiên Giang	7.0	5.0	8.5	5.0	25.5
8	Cao Ngọc Hải	15/02/1998	Bến Tre	3.0	7.0	9.5	3.5	23.0
9	Lâm Minh Hào	19/11/1998	Vĩnh Long	7.0	5.5	8.5	3.0	24.0
10	Nguyễn Văn Hiệu	11/12/1995	Trà Vinh	3.0	5.5	5.5	6.0	20.0
11	Nguyễn Thanh Hòa	04/10/1999	Đồng Tháp	6.0	5.0	7.0	4.5	22.5
12	Đặng Quang Huy	04/12/1999	Tiền Giang	6.5	6.5	4.5	5.5	23.0
13	Huỳnh An Khang	15/4/1999	Tiền Giang	6.5	5.5	4.5	4.5	21.0
14	Trương Hoàng Lâm	05/6/1997	Vĩnh Long	4.5	5.5	6.0	5.0	21.0
15	Lê Minh Long	03/10/1998	Tiền Giang	4.5	7.0	6.0	6.0	23.5
16	Trần Đức Mạnh	11/9/1998	Cà Mau	6.0	5.0	4.5	4.5	20.0
17	Ngô Quốc Nam	02/8/1999	Đồng Tháp	8.5	8.0	8.0	7.5	32.0
18	Đặng Phương Nam	27/11/1999	Vĩnh Long	6.0	5.0	7.5	4.0	22.5
19	Đặng Văn Nghĩa	08/6/1998	Trà Vinh	7.0	3.0	7.0	3.0	20.0
20	Nguyễn Trọng Nhân	26/4/1998	Vĩnh Long	7.5	6.0	5.0	7.0	25.5
21	Nguyễn Hữu Nhân	1998	Đồng Tháp	7.5	4.0	8.0	8.0	27.5
22	Nguyễn Thành Nhân	13/5/1999	Vĩnh Long	7.5	4.0	8.0	6.5	26.0
23	Trần Văn Nhàn	20/12/1999	Đồng Tháp	9.0	5.0	8.0	5.5	27.5
24	Nguyễn Quốc Pháp	13/10/1999	Đồng Tháp	7.5	7.0	7.5	5.5	27.5
25	Nguyễn Trường Phát	11/01/1998	Tp Hồ Chí Minh	6.5	7.0	7.5	3.0	24.0
26	Nguyễn Chí Phong	19/01/1996	Vĩnh Long	7.0	7.0	7.5	7.0	28.5
27	Nguyễn Hoài Phong	16/12/1999	Trà Vinh	9.0	7.5	8.0	6.0	30.5
28	Đặng Lê Hoàng Phong	20/5/1999	Vĩnh Long	7.5	5.0	8.0	7.0	27.5
29	Nguyễn Hoàng Phúc	02/5/1998	Cần Thơ	8.5	6.5	8.0	6.0	29.0
30	Lê Hoàng Phúc	26/8/1999	Đồng Tháp	8.0	4.5	8.0	8.5	29.0
31	Nguyễn Hoàng Phúc	28/10/1999	Vĩnh Long	8.0	6.0	7.5	6.0	27.5
32	Nguyễn Hoàng Phúc	09/8/1999	Đồng Tháp	8.0	5.5	7.0	8.0	28.5
33	Phạm Vũ Hoài Phương	13/12/1997	Vĩnh Long	7.5	4.0	6.5	7.0	25.0
34	Lâm Thị Kiều Phương	09/5/1997	Vĩnh Long	8.0	7.0	7.5	8.5	31.0
35	Phan Nguyễn Lan Phương	18/8/1997	Bến Tre	8.5	6.0	7.0	6.5	28.0
36	Lý Nhật Quang	10/8/1996	Vĩnh Long	9.0	8.5	8.0	8.5	34.0
37	Đoàn Ngọc Qui	06/5/1998	Kiên Giang	8.5	4.0	8.0	6.5	27.0
38	Huỳnh Minh Quý	04/01/1999	Cà Mau	9.0	7.0	8.0	9.0	33.0



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi				Điểm Tổng
				Nghe	Nói	Đọc	Viết	
39	Võ Thanh Sang	19/01/1997	Trà Vinh	7.0	5.0	6.5	7.0	25.5
40	Võ Thanh Sơn	29/10/1998	Đồng Tháp	5.0	5.5	5.5	5.5	21.5
41	Phạm Văn Tài	01/6/1998	Sóc Trăng	9.0	6.0	4.0	6.0	25.0
42	Nguyễn Chí Tâm	06/8/1999	Đồng Tháp	4.5	4.5	5.0	8.0	22.0
43	Nguyễn Huỳnh Thái	07/10/1999	Vĩnh Long	3.5	5.5	6.0	5.5	20.5
44	Lâm Ngọc Thắm	13/11/1999	Đồng Tháp	9.0	7.0	8.0	9.0	33.0
45	Trương Quốc Thắng	06/5/1999	Vĩnh Long	9.0	6.0	7.5	6.0	28.5
46	Nguyễn Minh Thư	07/12/1998	Vĩnh Long	6.0	6.5	6.5	3.0	22.0
47	Nguyễn Trịnh Minh Thuận	29/10/1999	Bến Tre	8.0	7.5	8.0	4.0	27.5
48	Lê Văn Thương	20/8/1998	Vĩnh Long	7.5	4.5	6.5	5.0	23.5
49	Bùi Thị Mỹ Tiên	23/8/1999	Trà Vinh	6.0	6.0	7.0	4.5	23.5
50	Trương Khánh Toàn	02/8/1999	Vĩnh Long	8.0	6.0	7.0	3.0	24.0
51	Nguyễn Quốc Việt	28/6/1998	Vĩnh Long	6.5	6.5	8.0	3.5	24.5

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

TS. Nguyễn Thanh Tùng

